

VỀ PHÂN TẦNG XÃ HỘI VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TRỊNH DUY LUÂN
BÙI THẾ CƯỜNG

Bài viết dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng góp vào việc chuẩn bị Báo cáo Chính trị của Đại hội IX của Đảng do GS. Lê Hữu Tông chủ trì. Các tác giả xin chân thành cảm ơn GS. Lê Hữu Tông, TS. Vũ Tuấn Anh, TS. Lê Bộ Lĩnh, TS. Nguyễn Hữu Minh về những ý kiến góp ý, bổ sung rất có giá trị, đặc biệt cho Phần IV của bài viết này.

T.D.L & B.T.C.

Phân tầng xã hội là một khái niệm xã hội học xuất hiện ở nước ta chưa lâu, trong những năm Đổi mới. Về lý thuyết, phân tầng xã hội được định nghĩa như là sự "xếp hạng" (ranking) một cách ổn định những vị trí của các nhóm người trong xã hội xét từ góc độ quyền lực, uy tín hoặc các quyền lợi không ngang nhau. Các hệ thống phân tầng xã hội là tương đối ổn định vì chúng thường gắn liền với các thiết chế xã hội quan trọng như kinh tế, gia đình, chính trị, giáo dục. Người ta chú ý tới phân tầng xã hội vì nó có tiềm năng gây ra các căng thẳng và biến động xã hội.

Ở nước ta thời gian qua, phân tầng xã hội thường được xem xét và đánh giá chủ yếu từ cách phân loại mức sống, thu nhập, chi tiêu, tài sản. Các yếu tố quyền lực và uy tín chưa được chú ý. Về nguyên nhân của phân tầng xã hội, các nghiên cứu cho thấy không phải cơ chế thị trường là nguyên nhân cuối cùng, duy nhất dẫn tới sự phân tầng xã hội như hiện nay. Phân tầng xã hội đã từng tồn tại cả trong thời kỳ trước Đổi mới. Quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường chỉ tạo ra một môi trường kinh tế - xã hội quá độ đặc thù, chứa đựng nhiều yếu tố tác động trực tiếp và gián tiếp khiến cho phân tầng xã hội trở thành bật phát trong thập niên đầu tiên của Đổi mới. Chẳng hạn, đó là môi trường pháp lý chưa được hoàn thiện; là sự phát triển không đều trong kinh tế thị trường do những khác biệt về lợi thế so sánh, hay những vị thế đặc biệt (độc quyền) của một số ngành. Hoặc do những khác biệt về tính năng động, sự sẵn sàng của các cá nhân, các nhóm xã hội khác nhau khi bước vào kinh tế thị trường. Các yếu tố này đã tạo ra những mức độ phân tầng xã hội khác nhau giữa các tầng lớp, nhóm xã hội; giữa nông thôn và đô thị; giữa các vùng- miền; giữa các ngành và trong mỗi bộ phận.

Người ta cũng đã bắt đầu thừa nhận phân tầng xã hội, phân hóa giàu - nghèo như là một xu hướng mang tính quy luật trong mọi xã hội, đặc biệt, trong nền kinh tế thị trường. Từ một cách nhìn tích cực hơn, phân tầng xã hội cũng có thể được nhìn

4 Về phân tầng xã hội và công bằng xã hội ở nước ta hiện nay

nhận như là hệ quả của quá trình trong đó, cơ chế thị trường (dưới sự điều tiết của nhà nước) tìm kiếm và thực hiện một sự công bằng xã hội hiện thực.

I. Thực trạng phân tầng xã hội ở nước ta hiện nay

Nhìn chung, khi nói về thực trạng phân tầng xã hội ở nước ta hiện nay, có thể khẳng định rằng: đang tồn tại khá phổ biến sự phân tầng xã hội theo mức sống. Tính phổ biến của hiện tượng thể hiện ở chỗ: sự phân tầng này diễn ra ở mọi địa bàn (đô thị, nông thôn, vùng / miền địa lý - lãnh thổ, các khu vực,...), trong suốt quá trình phát triển và trong mọi bộ phận hợp thành của cơ cấu xã hội.

Những số liệu phân tích dưới đây được lấy từ kết quả của hai cuộc Điều tra mức sống toàn quốc (VLSS) năm 1993 và năm 1998, cũng như cuộc Điều tra hộ gia đình đa mục tiêu 1994-1997.

Nền tảng và xu hướng chung

Nền tảng cơ bản nhất của hiện trạng phân tầng xã hội ở Việt Nam là mức sống của đại đa số dân cư đã tăng lên trong 10 năm qua. Tỷ lệ hộ nghèo đói đã giảm khá mạnh, từ khoảng 58% năm 1993 xuống còn khoảng 37% năm 1998.

Chênh lệch giàu nghèo tiếp tục tăng

Trên nền tảng chung nói trên, sự chênh lệch về mức sống ngày càng tăng, tạo nên một sự phân tầng xã hội trong hầu hết các nhóm xã hội. Chẳng hạn, chênh lệch về chi tiêu giữa nhóm 20% giàu nhất và nhóm 20% nghèo nhất khoảng **5,52** lần năm 1998, còn năm 1993 là **4,58** lần. Còn chênh lệch theo thu nhập thì cao hơn. Năm 1998, chênh lệch về thu nhập giữa nhóm 20% giàu nhất và nhóm 20% nghèo nhất là **11,26** lần, giữa nhóm 10% giàu nhất và nhóm 10% nghèo nhất là hơn **20** lần, còn giữa nhóm 5% giàu nhất và nhóm 5% nghèo nhất là hơn **40** lần.

Với chỉ số 40% dân cư thuộc 2 nhóm bên dưới được chia sẻ 21% thu nhập quốc dân, có thể ước tính Việt Nam đã rơi vào mức bất bình đẳng trung bình so với các nước khác trên thế giới.

Khác biệt nhân khẩu và giáo dục

Sự khác biệt mức sống hiện nay giữa các hộ gia đình liên quan đến số nhân khẩu và tỷ lệ phụ thuộc (tỷ lệ người ngoài độ tuổi lao động so với người trong độ tuổi lao động). Tỷ lệ này của 20% hộ nghèo nhất là 1,13, cao gấp đôi so với nhóm 20% hộ giàu nhất (0,54).

Học vấn càng cao càng có nhiều khả năng thuộc vào nhóm có mức sống cao. Trong những chủ hộ có học vấn đại học, cao đẳng trở lên, 70% thuộc nhóm 20% giàu nhất, chỉ có 1,5% thuộc nhóm 20% nghèo nhất. Chi tiêu của hộ có chủ hộ học vấn đại học / cao đẳng trở lên cao gấp 2,33 lần (năm 1993) và 3,4 lần (năm 1998) so với hộ có chủ hộ chưa bao giờ đến trường.

Khác biệt đô thị-nông thôn và vùng

Phân tầng mức sống liên quan đến sự khác biệt khu vực (nông thôn/đô thị) và

vùng kinh tế-xã hội. 97% dân số trong độ tuổi lao động thuộc nhóm 20% nghèo nhất là ở nông thôn. 65% dân số trong độ tuổi lao động thuộc nhóm 20% giàu nhất là ở đô thị.

Sự chênh lệch mức sống giữa thành thị và nông thôn là lớn hơn rất nhiều so với sự chênh lệch này trong nội bộ mỗi khu vực. Vì vậy chênh lệch giữa thành thị và nông thôn đóng góp phần chủ yếu (tới 96%) vào mức độ phân tầng mức sống nói chung trên quy mô toàn quốc.

Phần lớn dân số trong độ tuổi lao động thuộc nhóm 20% giàu nhất sống ở vùng Đông Nam Bộ (37%), đồng bằng sông Hồng (21%) và đồng bằng sông Cửu Long (18%). Sống ở vùng miền núi phía Bắc chỉ có gần 7% và ở Bắc Trung Bộ là 6%.

Xu hướng khác biệt theo vùng trong sự phân tầng xã hội cũng có thể được khái quát như sau: Theo chiều không gian từ Nam ra Bắc, từ đồng bằng lên miền núi thì sự phân hóa ở các tỉnh phía Nam rõ hơn ngoài Bắc, đồng bằng rõ hơn miền núi. Nếu lấy các đô thị làm tâm và theo chiều từ đô thị về nông thôn, về tiếp các vùng sâu, vùng xa thì sự phân hóa ở đô thị diễn ra mạnh nhất, càng lan tỏa ra các vùng nông thôn xung quanh, sự phân hóa càng yếu dần và hầu như còn phẳng lặng ở vùng miền núi.

Khác biệt khu vực kinh tế

Phân tầng mức sống liên quan đặc biệt rõ rệt theo các khu vực kinh tế. Phần lớn người làm việc trong khu vực kinh tế thuộc về nhà nước có mức sống thuộc nhóm 20% giàu nhất, hoặc rơi vào 2 nhóm trên (75-80%). Tình hình cũng tương tự như vậy ở nhóm làm việc trong doanh nghiệp nước ngoài. Chỉ có 1/3 lao động trong doanh nghiệp tư nhân và gần 1/5 lao động trong hộ sản xuất kinh doanh nhỏ thuộc vào nhóm 20% giàu nhất. Khoảng 40% những người lao động thuộc hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân và hộ sản xuất kinh doanh nhỏ thuộc vào nhóm có mức sống dưới trung bình. 3/4 người thuộc nhóm 20% nghèo nhất là lao động trong hộ sản xuất kinh doanh nhỏ và "khác", trong khi 60% người thuộc nhóm 20% giàu nhất làm việc trong 3 khu vực của nhà nước.

Như vậy, phân tầng mức sống gắn với những tiêu chí mang tính kinh tế-chính trị sau đây: có khả năng sẽ có mức sống cao hơn nếu gắn với khu vực nhà nước (bao gồm kinh tế, hành chính, sự nghiệp, chính trị-xã hội), với khu vực chính quy (chẳng hạn, doanh nghiệp có đăng ký), với khu vực đầu tư nước ngoài. Ngược lại, mức sống thấp hơn thường gắn với những người làm việc trong khu vực ngoài nhà nước, khu vực phi chính quy (informal sector, như hộ sản xuất kinh doanh nhỏ, hợp tác xã, nếu xem hợp tác xã là một lĩnh vực bán chính quy).

Phúc lợi xã hội và phân tầng xã hội

Trợ cấp phúc lợi xã hội (tức trợ cấp mang tính công cộng) là công cụ mà nhà nước có thể sử dụng để làm giảm bớt những chênh lệch quá lớn, bảo đảm công bằng xã hội hiện nay. Tuy nhiên, những trợ cấp này còn chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng thu nhập của dân cư (khoảng 4,4%). Có nghĩa là dân cư Việt Nam chủ yếu có thu nhập từ lao động cá nhân và gia đình. Thu nhập do phân phối lại mang tính xã hội còn thấp. Trong việc phân phối phúc lợi xã hội, chiếm tỷ trọng cao nhất là chi cho bảo hiểm xã hội, bao gồm chi hưu trí và mất sức lao động (82,4%), tiếp theo là chi cho

6 Về phân tầng xã hội và công bằng xã hội ở nước ta hiện nay

bảo trợ xã hội (16,0%). Chi cho xóa đói giảm nghèo là 1,1%. Tương quan giữa phúc lợi xã hội và phân tầng xã hội chỉ ra rằng hiện nay chủ yếu là nhóm có mức sống “trung bình” và “trên trung bình” được hưởng phúc lợi cao hơn các nhóm khác.

Tóm lại

Hiện trạng phân tầng xã hội ở Việt Nam là rất đặc trưng cho thời kỳ đầu chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Mức chênh lệch giữa các tầng lớp chưa lớn, tốc độ tăng chênh lệch chưa cao.

Tuy nhiên có những đặc điểm cần lưu ý là: các tầng lớp trung lưu (nhóm 20% thứ 3 trong thang phân loại 5 nhóm của các cuộc Điều tra mức sống) và trung lưu trên (nhóm 20% thứ 4) thường gắn với khu vực nhà nước, gắn với khu vực kinh tế chính quy. Hai nhóm này cũng được hưởng lợi nhiều hơn từ việc phân phối phúc lợi xã hội so với các nhóm còn lại.

II. Nguyên nhân của phân tầng xã hội

Có hàng loạt nguyên nhân dẫn đến phân tầng xã hội, đặc biệt là các nguyên nhân kinh tế - xã hội như: sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cơ cấu nghề nghiệp, trình độ học vấn, vai trò của quyền lực, tính chất độc quyền hoặc có ưu thế của một số ngành, lĩnh vực hoạt động,...

Trước hết, đó là tác động của quá trình thực hiện công bằng xã hội trong điều kiện cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước.

Về kinh tế, việc chú trọng và tập trung quá mức các hình thức đầu tư vào đô thị và công nghiệp, tác động của việc tập trung đất đai ở một số vùng, việc sử dụng không hợp lý các nguồn lực trong và ngoài nước vì lợi ích của một số vùng đô thị, sự hình thành những người hưởng lợi trung gian và những nhóm đặc quyền đặc lợi, những trở ngại lớn đối với các doanh nghiệp địa phương và nông thôn trong việc tiếp cận tới thị trường là những yếu tố có tác động nhất định đến phân tầng xã hội.

Việc thị trường hóa các dịch vụ xã hội (đặc biệt sự phát triển các dịch vụ tư nhân trong giáo dục và y tế) đã gây tác động tiêu cực, làm tăng cường sự phân tầng xã hội, đặc biệt đối với nhóm người nghèo.

Học vấn được thừa nhận là một yếu tố tác động quan trọng đối với sự phân tầng xã hội. Bên cạnh đó, hai yếu tố tác động khác, rất quan trọng là quyền lực và môi trường pháp lý hiện nay ở nước ta.

Quyền lực ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả quyền lực kinh tế (các nguồn lực, đặc biệt là tiền vốn), hành chính, chính trị, xã hội (các quan hệ). Trong nhiều trường hợp, các quyền lực này thường được kết hợp với nhau, cùng phát huy sức mạnh và kết quả là đã hình thành nên một "tầng lớp trung lưu" mới. Đã quan sát thấy một số gia đình hội nhập được nhiều nguồn lực và quyền lực để gia nhập nhóm trung lưu trong một thời gian ngắn.

Môi trường pháp lý ở Việt Nam rõ ràng là còn chưa hoàn thiện, chưa ổn định và có nhiều khiếm khuyết. Nhiều đạo luật còn thiếu đang được bổ sung. Những cái

đã có cũng cần được sửa đổi, hoàn thiện thường xuyên. Tính khả thi của nhiều đạo luật và văn bản dưới luật còn yếu. Điều này tất yếu tạo ra nhiều khe hở cho các hành động thao túng pháp luật, làm giàu bất chính. Đây là một trong những tác nhân tiêu cực, làm gia tăng phân tầng xã hội một cách không bình thường.

III. Những tác động của phân tầng xã hội hiện nay

Phân tầng xã hội có tác động hai mặt. Trong bối cảnh chuyển sang một nền kinh tế thị trường ở nước ta, phân tầng xã hội như là hệ quả của quá trình thực hiện sự công bằng xã hội, đã và sẽ tiếp tục góp phần thúc đẩy tính năng động xã hội trong mỗi cá nhân, mỗi nhóm xã hội, kích thích họ tìm kiếm và khai thác các cơ hội để phát triển vượt lên. Nó cũng tạo ra một môi trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt, qua đó sàng lọc và tuyển chọn ra những người có đủ năng lực và phẩm chất cần thiết để trở thành những thành viên của nhóm vượt trội, động lực cho sự phát triển của một ngành, một lĩnh vực hay một địa phương.

Sự phân tầng xã hội phát triển có thể dẫn đến hình thành một cơ cấu xã hội mới theo vị thế, bổ sung hoặc thay thế cho cơ cấu xã hội - giai cấp, và tiếp đến là các hình thức liên kết xã hội mới, trong đó một tầng lớp trung lưu mới ở đô thị hay tầng lớp khá giả ở nông thôn- có thể đóng vai trò của những nhân tố mới trong tiến trình phát triển sắp tới.

Bên cạnh đó, những tác động tiêu cực của phân tầng xã hội cũng rất đáng lưu ý vì chúng có thể trở thành nguyên nhân gây ra những sự bất ổn định xã hội.

1) Sự phân tầng xã hội gia tăng làm cho khác biệt giàu - nghèo ngày càng dãn rộng. Những cơ hội phát triển cho người giàu sẽ nhiều hơn. Những khác biệt như vậy diễn ra trước hết trong lĩnh vực kinh tế (cơ hội có việc làm, tăng thu nhập,...) sau đó sẽ lan sang các lĩnh vực khác như giáo dục (cơ hội có học vấn cần thiết để vào đời, đặc biệt là cho thanh niên), chăm sóc sức khỏe, nhà ở và các dịch vụ cơ bản khác,.... Những thành quả của công cuộc Đổi mới, do vậy không phải tất cả các nhóm xã hội đều được thụ hưởng ở mức độ tương xứng với sự đóng góp của họ. Rõ ràng đó là những hệ quả không mong muốn khi chúng ta xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, và theo đuổi những nguyên tắc công bằng xã hội. Và một khi những bất bình đẳng xã hội vượt quá giới hạn hợp lý của chúng sẽ có thể gây nên những bất ổn định, tiêu cực và xung đột xã hội.

2) Trong điều kiện quá độ sang kinh tế thị trường, hiện tượng phân tầng xã hội thường có những biểu hiện bột phát, cực đoan. Sự đối lập, đôi khi đến mức tương phản giữa 2 cực giàu-nghèo trong đời sống cũng đặt ra nhiều vấn đề mà xã hội phải có trách nhiệm lưu tâm.

Xuất hiện những nhóm xã hội dễ bị tổn thương trong cơ chế thị trường: những hộ gia đình nghèo, phụ nữ, trẻ em, người già, dân nhập cư tự do,.... Và đặc biệt khi nhóm người nghèo lại rơi vào một số gia đình là đối tượng quan tâm của các chính sách xã hội thì vấn đề càng trở nên phức tạp hơn.

3) Trên bình diện lối sống, phân tầng xã hội góp phần tạo ra sự đa dạng trong

các hình mẫu lối sống. Đáng lưu ý là sự phát triển của lối sống tiêu dùng trong bộ phận dân cư khá giả, đặc biệt trong nhóm giàu "mới". Trong khi đó nhóm người nghèo bị bản cứng hóa, cũng sẽ hành động không như xã hội mong đợi. Ở cả hai cực của sự phân hóa đó đều chứa đựng nguy cơ tiềm tàng gây ra những bất ổn định xã hội.

4) Và cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, là những tác động về mặt tư tưởng, tâm lý, niềm tin về công bằng xã hội, một khái niệm vốn gắn bó với mô hình chủ nghĩa xã hội trước đây trong một bộ phận dân cư (người già, người về hưu, các gia đình chính sách,...). Bên cạnh đại đa số chấp nhận tính tất yếu của sự phân tầng xã hội, vẫn còn một bộ phận dân cư coi đó là hiện tượng không bình thường, khó chấp nhận và dễ tạo ra một tâm lý xã hội bi quan trước tác động của cơ chế thị trường.

IV. Quan điểm và giải pháp khắc phục mặt tiêu cực của phân tầng xã hội, đảm bảo công bằng xã hội

1. Quan điểm chung

1. Phân tầng xã hội là một hiện tượng có tính quy luật đối với bất kỳ xã hội nào. Vấn đề chỉ là mức độ và hậu quả chính trị xã hội của quá trình này. Chúng ta xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vì vậy có thể có sự phân tầng xã hội bột phát mạnh mẽ hơn, dưới một hình thái mới so với trước đây. Khi nhìn nhận phân tầng xã hội như một tất yếu, chúng ta sẽ nhìn thấy không chỉ mặt tiêu cực mà cả những mặt tích cực của quá trình này. Sự can thiệp của nhà nước trong nhiều trường hợp chỉ có tác dụng hạn chế mức độ chứ không thể triệt tiêu được sự phân tầng xã hội hiện nay.

2. Phân tầng xã hội và công bằng xã hội cần được nhìn nhận theo quan điểm một nền kinh tế thị trường, chứ không phải là từ quan điểm của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung trước đây. Nếu không, mọi giải pháp đảm bảo công bằng hoặc hạn chế phân tầng xã hội chỉ là hình thức. Chẳng hạn, nếu khu vực kinh tế quốc doanh tiếp tục nhận được những ưu đãi đặc biệt thì sự bất bình đẳng thực sự sẽ xảy ra đối với các khu vực kinh tế khác.

3. Tăng trưởng và công bằng xã hội không loại trừ nhau. Vì vậy không cần thiết phải hy sinh công bằng cho tăng trưởng. Tuy nhiên, các mục tiêu tăng trưởng và đảm bảo công bằng không trùng khớp nhau về thời gian. Công bằng được thực hiện như một xu thế, một nỗ lực liên tục trong quá trình tăng trưởng. Vì vậy, trong một thời kỳ ngắn hạn nhất định, hoặc trong một phạm vi nhất định, mối quan hệ thuận giữa 2 mục tiêu này có thể bị phá vỡ. Chẳng hạn, khi xây dựng các vùng kinh tế trọng điểm thì trong một khoảng thời gian nào đó, phải chấp nhận sự bất bình đẳng giữa các vùng. Hoặc khi ưu tiên phát triển một ngành nào đó thì phải chấp nhận sự bất bình đẳng giữa các ngành. Vì vậy, những ưu tiên này phải đảm bảo cho việc giải quyết những vấn đề tăng trưởng và công bằng trong tầm nhìn dài hạn.

4. Các giải pháp nhằm đảm bảo tăng trưởng đi liền với công bằng phải là những giải pháp đồng bộ nhằm tạo ra một cơ chế tự nhiên giải quyết mối quan hệ này. Đó là quan điểm tăng trưởng cùng chia sẻ, nghĩa là mọi tầng lớp trong xã hội đều được hưởng

lợi từ tăng trưởng kinh tế và vì thế, họ chủ động, tích cực tham gia thúc đẩy tăng trưởng. Nếu tăng trưởng chỉ là mục tiêu tự thân của một tầng lớp xã hội, hoặc mang lại lợi ích cho một nhóm xã hội, còn một tầng lớp khác chỉ thụ động chờ đợi sự phân phối lại các thành quả tăng trưởng thì kết quả sẽ là tăng trưởng không bền vững và tự nó triệt tiêu các động lực tăng trưởng cũng như những cơ sở đảm bảo công bằng thực sự.

5. Con đường giải quyết tình trạng đói nghèo và phân hóa xã hội là tạo ra cơ hội cho tất cả các tầng lớp dân cư tham gia vào hoạt động kinh tế, hơn là chú trọng vào các giải pháp mang tính chất ứng phó hoặc trợ cấp.

2. Các giải pháp khắc phục tác động tiêu cực của sự phân tầng xã hội

Khắc phục những tác động tiêu cực và khuyếch trương mặt tích cực của phân tầng xã hội trong quá trình thực hiện công bằng xã hội sẽ là một cuộc phấn đấu lâu dài với một hệ thống các giải pháp đồng bộ, hỗ trợ lẫn nhau. Có thể nhóm gộp thành 3 nhóm các giải pháp như sau.

Một là, tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả các tầng lớp dân cư, phát triển con người và phát triển nông thôn.

Đảng ta đã chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, khuyến khích mọi tầng lớp dân cư đầu tư sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trên thực tế, vẫn còn sự phân biệt đối xử đối với các thành phần kinh tế khác nhau, người dân vẫn chưa có được niềm tin đầy đủ khi đầu tư phát triển sản xuất. Môi trường kinh doanh bất ổn định và thiếu tính minh bạch là căn nguyên của sự trì trệ trong sản xuất và nảy sinh nhiều hiện tượng xã hội tiêu cực, vì vậy nó cản trở cả tăng trưởng kinh tế và làm gia tăng bất bình đẳng.

Cần tạo ra mặt bằng pháp lý chung đối với mọi thành phần kinh tế. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước phải được hiểu là sức mạnh tự thân do tính ưu việt của thành phần kinh tế đó so với các thành phần kinh tế khác do đó mà có lợi thế cạnh tranh trong một môi trường pháp lý như nhau. Các chính sách về thị trường lao động, tín dụng, tiêu thụ sản phẩm bao gồm cả hoạt động ngoại thương cần được thống nhất cho mọi thành phần kinh tế.

Môi trường kinh doanh bình đẳng trong một nền kinh tế thị trường tự nó tạo ra động lực cho đầu tư. Đầu tư công cộng có một ưu thế và vai trò đặc biệt trong việc giải quyết quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, do nó có khả năng kết hợp những lợi ích trước mắt và lâu dài, giữa hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

Nếu nhà nước vẫn tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp quốc doanh làm ăn kém hiệu quả thì nguồn vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng và giáo dục sẽ giảm đi. Đầu tư của nhà nước lúc đó sẽ bị tổn thất cả trong ngắn hạn và dài hạn. Kết quả là sẽ không đảm bảo được cả tăng trưởng kinh tế lẫn công bằng xã hội.

Vì vậy, đầu tư của nhà nước nên tập trung vào cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội cũng như các ngành và lĩnh vực mang lại những lợi ích dài hạn, cung cấp hàng hóa công cộng, tạo dựng môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đầu tư có mục tiêu xã hội. Chẳng hạn, những khoản đầu tư để duy trì

10 Về phân tầng xã hội và công bằng xã hội ở nước ta hiện nay

các xí nghiệp quốc doanh làm ăn thua lỗ sẽ được chuyển sang đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn hoặc trợ giúp phát triển nông nghiệp ở các vùng khó khăn.

Phát triển con người là yếu tố quan trọng bậc nhất để đảm bảo tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo đói. Lợi thế cạnh tranh của một quốc gia cũng như cơ sở đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong những thập kỷ tới phụ thuộc rất nhiều vào trình độ phát triển con người ở mỗi nước. Sự phân hóa giàu nghèo cũng có nguyên nhân một phần lớn bởi sự khác biệt về trình độ học vấn nói riêng và sự phát triển con người (bao gồm cả thể chất và tinh thần) nói chung.

Phát triển con người cũng cần nhìn từ cả 2 phía: vừa phải xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ người nghèo, đặc biệt cho các nhóm bị thiệt thòi, đồng thời, phải khuyến khích sự vượt trội, làm giàu chính đáng, hợp pháp, góp phần tạo lực đẩy cho sự tăng trưởng kinh tế và phát triển con người. Nguyên tắc là hỗ trợ, nâng đỡ các nhóm xã hội bị thiệt thòi, không có lợi thế, song lại không được làm thui chột động lực kích thích những nhóm có ưu thế hay những nhóm vượt trội tiếp tục phát triển lành mạnh đúng hướng và hợp pháp.

Nâng cao học vấn và dân trí là một biện pháp có ý nghĩa trước mắt và lâu dài. Tăng cường đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp bao gồm cả tái đào tạo nghề nhằm giúp cho người trong độ tuổi lao động có thể dễ dàng thích ứng với những đòi hỏi thường xuyên biến đổi của thị trường lao động.

Cải cách giáo dục toàn diện nhằm làm cho hệ thống giáo dục gắn kết với yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước. Tăng đầu tư cho giáo dục bằng nhiều nguồn khác nhau, trong đó đầu tư từ ngân sách cần tăng lên mức 15 - 20% như các nước khác.

Phát triển nông thôn là một trong những biện pháp chính sách đặc thù mang tính ưu tiên ở nước ta. Nhìn từ góc độ tăng trưởng và công bằng xã hội bao gồm:

- Khuyến khích đa dạng hóa nông nghiệp nhằm tạo ra nhiều việc làm phi nông nghiệp, tăng thu nhập cho cư dân nông thôn.
- Ưu tiên đầu tư vào kỹ thuật nông nghiệp, cơ sở hạ tầng nông thôn.
- Khuyến khích dịch chuyển lao động ra khỏi ngành nông nghiệp.
- Phát triển công nghiệp nông thôn, chú trọng xây dựng các điểm đô thị ở các vùng nông nghiệp.
- Có chính sách ưu đãi về tài chính, tiêu thụ sản phẩm đối với khu vực nông nghiệp, tăng khả năng tiếp cận các nguồn vốn cho nông dân, đặc biệt các hộ nông dân nghèo.
- Thực hiện triệt để việc giao quyền sử dụng đất đai lâu dài.

Hai là, hoàn thiện các chính sách phân phối và phân phối lại có tác động trực tiếp đến việc tạo lập công bằng xã hội và điều tiết quá trình phân hóa xã hội. Trong đó có hai chính sách quan trọng là chính sách thuế và chính sách tiền lương.

Chính sách thuế và các biện pháp kiểm soát hợp lý góp phần điều chỉnh thu

nhập, phân bổ sử dụng ngân sách cho các mục tiêu xã hội, phát triển con người, giảm bớt những sự khác biệt quá lớn giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi, giữa các vùng miền, giữa các nhóm xã hội,....

Chính sách thuế cũng phải khuyến khích hoạt động kinh doanh và tạo cơ hội cho các tầng lớp nghèo có khả năng tăng thu nhập. Cần giảm hoặc miễn thuế đối với các hoạt động nông nghiệp, kinh doanh nhỏ hoặc những hoạt động tự làm của những người lao động. Đối với các hoạt động kinh doanh lớn, công cụ thuế có tác dụng không chỉ phân phối lại mà còn có nghĩa là những khoản tái đầu tư trong tương lai.

Chính sách tiền lương, đặc biệt tiền lương trong khu vực hành chính sự nghiệp cần được cải cách sao cho tiền lương phản ánh đúng giá trị sức lao động. Từ đó có thể “chính thức hóa” các nguồn thu nhập, loại trừ các hình thức thu nhập không chính thức ngoài lương, vừa không thể kiểm soát được, vừa là kẽ hở cho các loại hình tham nhũng và lãng phí. Lúc đó tiền lương mới thực sự là “đòn bẩy” khuyến khích nâng cao hiệu quả, năng suất và chất lượng lao động, mới có cơ sở kinh tế cho việc duy trì trật tự và kỷ cương trong kinh tế.

Hoàn thiện hệ thống các chính sách xã hội, bảo hiểm xã hội, an sinh xã hội, đặc biệt đối với các tầng lớp nghèo, những người dễ bị tổn thương trước những biến động trong đời sống kinh tế và xã hội. Nhà nước cần tạo điều kiện để các tầng lớp nghèo có thể tiếp cận đến các nguồn tài chính, cũng như tạo cơ sở để đảm bảo cho họ giải quyết các khó khăn khi gặp bất trắc (thiên tai, mất mùa, bệnh tật,...)

Ba là, hoàn thiện môi trường pháp lý và thể chế, cải cách hành chính, làm trong sạch bộ máy nhà nước nhằm ngăn ngừa sự làm giàu bất hợp pháp; chống tham nhũng và phát huy dân chủ cũng là những giải pháp nhằm tạo lập cơ sở xã hội và thể chế cho tăng trưởng trong công bằng.

Tài liệu tham khảo

1. Ngân hàng thế giới, Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam, 14-15/12/1999: *Báo cáo phát triển của Việt Nam năm 2000: Tấn công nghèo đói*.
2. Tổng cục Thống kê: *Điều tra hộ gia đình đa mục tiêu*. Hà Nội-1998.
3. Tổng cục Thống kê/VIE/95/043: *Điều tra mức sống dân cư Việt Nam 1997-1998*. Hà Nội- 8/1999.
4. Ban Chỉ đạo Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương. *Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở 1999: Kết quả Suy rộng mẫu 3%*. Hà Nội-Tháng 1/2000.
5. Tổng cục Thống kê và Dự án VIE/93/P16. *Chỉ tiêu Xã hội ở Việt Nam 1990-1995*. Hà Nội-1997.
6. Haughton, Dominique; Jonathan Haughton, Sarah Bales, Trương Thị Kim Chuyên, Nguyễn Nguyệt Nga và Hoàng Văn Kính: *Hộ Gia đình Việt Nam nhìn qua phân tích định lượng*. Hà Nội-1999.
7. State Planning Committee/General Statistical Office: *Vietnam Living Standards Survey 1992-1993*. Hanoi, September 1994.
8. United Nations: *Poverty elimination in Vietnam*. Hanoi, October 1995.
9. The World Bank: *Viet Nam: Poverty and Assessment*. Washington D.C. 1995.